

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LÂN PHONG

TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

CÔNG KHAI, MINH BẠCH, THÂN THIỆN, HIỆU QUẢ

CÔNG KHAI MÃ QR

TRA CỨU & THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA VĂN PHÒNG HỌND & UBND



QUÉT MÃ QR ĐỂ TRUY CẬP HỆ THỐNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN



1. Mở Camera/
Ứng dụng quét QR



2. Quét mã QR
tại đây



3. Truy cập
Dịch vụ công

STT	MÃ THỦ TỤC	TÊN THỦ TỤC	LĨNH VỰC	TRA CỨU
1	2.002165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	
2	2.001406	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	
3	2.001016	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	
4	2.001019	Thủ tục chứng thực di chúc	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	
5	2.001035	Thủ tục Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	
6	2.001008	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	
7	2.000992	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	

8	2.000942	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	
9	2.000927	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	
10	2.000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	
11	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	
12	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	
13	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	

14	2.002409	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Giải quyết khiếu nại	
15	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
16	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
17	2.000986	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
18	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
19	2.001023	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
20	1.005461	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
21	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	

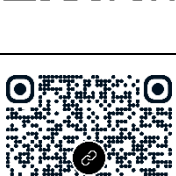
22	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
23	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
24	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
25	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
26	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
27	1.004837	Thủ tục đăng ký giám hộ	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
28	1.004827	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
29	1.000080	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	

30	1.000094	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
31	1.000110	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
32	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
33	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
34	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
35	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
36	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
37	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	

38	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
39	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
40	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
41	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
42	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
43	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
44	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	

45	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
46	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
47	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
48	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
49	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
50	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
51	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
52	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	

53	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
54	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
55	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	
56	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	
57	2.002363	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	
58	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	
59	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	
60	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	

61	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	
62	2.000930	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	
63	1.002211	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	
64	2.000424	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	
65	2.00095	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	
66	1.010945	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	
67	2.002501	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	
68	2.002396	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	